

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017**

TP.HCM, THÁNG 2 NĂM 2018



Phụ lục số 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155 /2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel
NĂM 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel
- Tên viết tắt: Thép Thủ Đức - Vnsteel
- Tên tiếng anh: Vnsteel - Thuduc steel joint stock company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305409326
- Vốn điều lệ: 122.253.930.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 122.253.930.000 đồng
- Địa chỉ: Km 9, Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM
- Số điện thoại: 028.38969612
- Số Fax: 028.37310154
- Websit: www.thepthuduc.com.vn
- Email: thepthuducvkc@vnn.vn
- Mã cổ phiếu: TDS

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel có nguồn gốc hình thành từ những năm 1960 với tên ban đầu là **Việt Nam Kim Khí Công ty - VIKIMCO**, do chủ người Việt Nam điều hành và quản lý. Cơ sở vật chất lúc ban đầu rất nghèo nàn chỉ có một phân xưởng cán, sản xuất sản phẩm thép tròn như Ø8, Ø10 với sản lượng khoảng 500-1.000T/năm.

Sau ngày thống nhất đất nước (30/4/1975) Công ty vẫn được điều hành và quản lý bởi chủ cũ.

Từ ngày 01/01/1978 VIKIMCO chính thức được đặt dưới sự điều hành và quản lý của Công ty Luyện Kim Đen thuộc Bộ Cơ Khí và Luyện Kim và được đổi tên thành **Nhà máy Quốc doanh Cán thép VIKIMCO**.

Ngày 27/07/1988 Nhà máy Quốc doanh Cán thép VIKIMCO đổi tên thành Nhà máy Thép thủ Đức.

Giai đoạn 1991 - 1995: Đây là giai đoạn Nhà máy đầu tư để phát triển sản xuất, tổng số tiền đầu tư chiều sâu và đầu tư mở rộng là 90 tỷ đồng. Một số công trình đã được đầu tư xây dựng như:

- Lắp đặt thêm 1 lò luyện thép hồ quang 12 tấn/mẻ.
- Lắp đặt dây chuyền đúc thép liên tục 2 dòng có công suất 70.000 tấn/năm. Đầu tư hai nhà xưởng và các thiết bị tiếp nhận chế biến sắt vụn
- Lắp đặt dây chuyền sản xuất Oxy 150 m³/h phục vụ cường hóa trong quá trình nấu luyện, lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho 2 lò luyện thép.
- Lắp đặt trạm cấp điện 12,5 MVA cung cấp điện cho 2 lò luyện thép 66kv/15kv.
- Lắp đặt phân xưởng cán mới công suất 120.000 tấn/năm, với thiết bị công nghệ của Đài Loan. Cải tạo Xưởng cán 2 bằng cách đầu tư thêm 2 cụm giá cán tinh kiểu đứng và kiểu nằm của Simac, dùng động cơ 1 chiều, tự động điều chỉnh, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, cùng với nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đưa năng suất cán 2 có thể đạt 150.000T/năm
- Lắp đặt các thiết bị để phục vụ cho công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm như: Máy kéo nén, máy phân tích quang phổ v...

Từ năm 1995 Nhà máy đã đưa các công trình trên vào khai thác sử dụng, nâng năng lực sản xuất thép thỏi của Nhà máy lên 50.000 tấn/năm và năng lực sản xuất của 2 phân xưởng cán lên 160.000 tấn/năm. Sản lượng thép cán đạt được trong những năm 1996-1998 đạt xấp xỉ 100.000 tấn/năm, tăng 10 -15 lần so với những năm đầu.

Giai đoạn 2000 đến nay: Ổn định sản lượng, nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9002/1994 và nay là ISO-9001/2008.

- Lắp đặt lò nung mới hiện đại theo thiết kế của Đài Loan để tự động hóa quá trình nung gồm 01 lò 12T/h Xưởng cán 1 và 1 lò 25T/h Xưởng cán 2. Cải tạo toàn diện các cụm thiết bị cán 1 để tự động hóa thay cho thao tác thủ công, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao.

- Cải tạo trạm nâng cấp trạm cấp điện 12,5 MVA, 66kv/15kv thành trạm 25MVA, 110kv/15 kv. Trang bị máy tiện CNC để gia công rãnh hình trụ cán. Lắp thêm dây chuyền sản xuất oxy 350m³/h, phục vụ cho luyện thép và kinh doanh oxy. Cải tạo hệ thống hút bụi lò luyện thép, đảm bảo môi trường xanh, sạch.

- Phòng QLCL được trang bị thêm các máy sử dụng chương trình vi tính: Máy thử cơ tính vạn năng 100T, máy phân tích quang phổ. Phòng được cấp chứng chỉ ISO 17025 công nhận phòng thí nghiệm hợp chuẩn.

- Xây dựng bến sà lan 500T phục vụ cho công tác xuất nhập hàng hóa qua đường sông và mở rộng thêm gian chứa thành phẩm thép cán.

- Sản lượng thép thỏi đã đạt sản lượng từ 70.000 - 80.000 tấn/năm.

Từ ngày 01/07/2007 Nhà máy Thép Thủ Đức được đổi tên thành Công ty Thép Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP.

Từ ngày 01/01/2008 Công ty Thép Thủ Đức chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Từ ngày 15/4/2016 Công ty cổ phần Thép Thủ Đức chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức-Vnsteel

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

*** Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp.
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.
- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí.
- Kinh doanh khai thác cảng.
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng.
- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở ./.

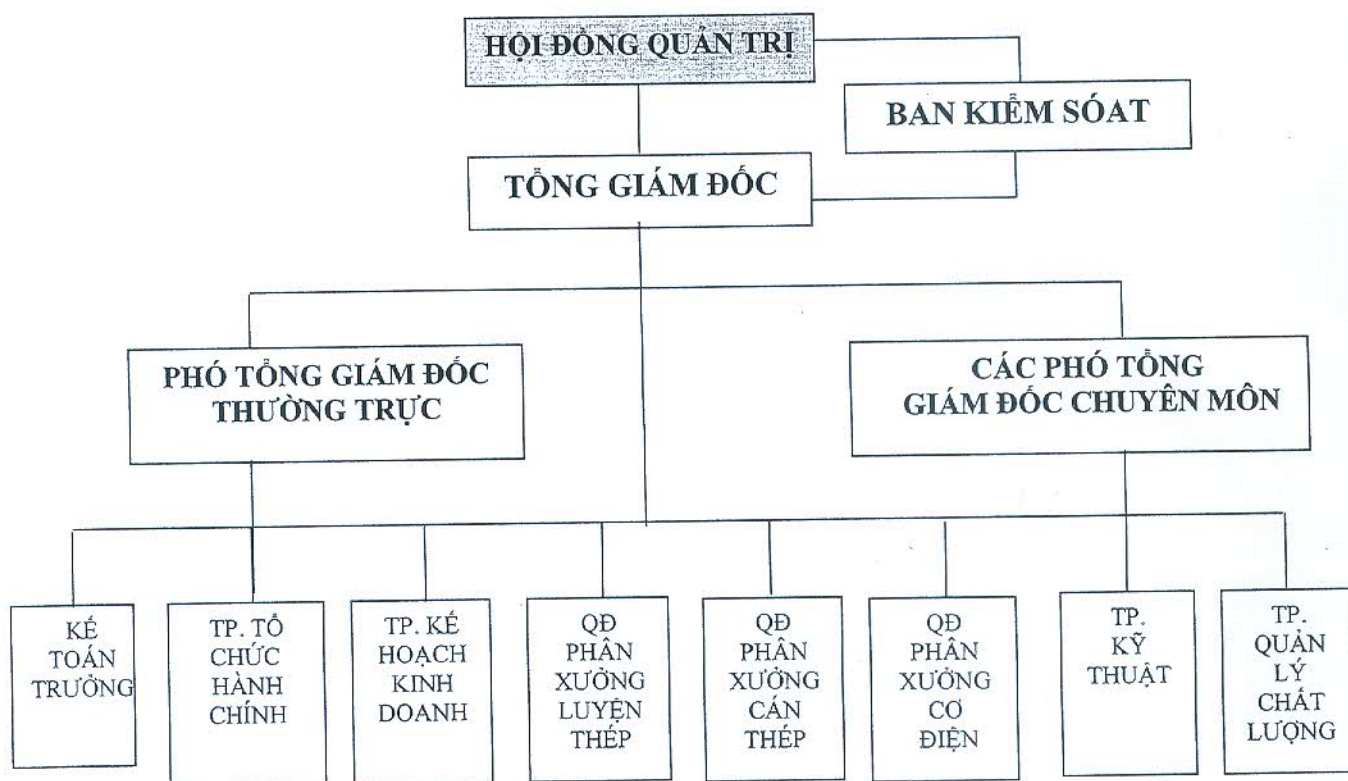
*** Địa bàn kinh doanh:**

- Sản phẩm thép cán và phi thép của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ra các nước trong khu vực.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị.**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



– Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:**Cơ cấu tổ chức của Công ty theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:**

- + Đại hội đồng Cổ đông;
- + Hội đồng Quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc;
- + Các phòng Chuyên môn;
- + Các phân xưởng.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị hiện nay gồm 5 thành viên.

- + Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch
- + Ông Nguyễn Phùng Hiền – Thành viên
- + Ông Cao Anh Kiệt - Thành viên
- + Ông Trịnh Chính Sinh - Thành viên
- + Ông Lê Khắc Thành - Thành viên

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát gồm hiện nay gồm 3 thành viên.

- + Bà Đoàn Hồng Hà – Trưởng ban
- + Ông Nguyễn Minh Sơn – Thành viên
- + Bà Nguyễn Thị Hồng Minh – Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự Giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

Các phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng giám đốc là người giúp việc Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc hiện nay gồm 1 Tổng Giám đốc và 3 phó Tổng Giám đốc.

- + Ông Nguyễn Phùng Hiền – Tổng Giám đốc
- + Ông Cao Anh Kiệt – Phó Tổng Giám đốc
- + Ông Hoàng Công Thành - Phó Tổng Giám đốc
- + Ông Đào Dân Quý - Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng: Bà Đỗ Thị Long Châu

Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty: Gồm 5 phòng và 3 phân xưởng

- | | |
|-----------------------------|-----------------------------------|
| + Phòng Tổ chức Hành chính | Ông Lê Khắc Thành: Trưởng phòng |
| + Phòng Tài chính Kế toán | Bà Đỗ Thị Long Châu: Trưởng phòng |
| + Phòng Kế hoạch Kinh doanh | Ông Vũ Xuân Trường: Trưởng phòng |
| + Phòng Kỹ thuật | Ông Bùi Văn Lộc: Trưởng phòng |
| + Phòng Quản lý chất lượng | Ông Tạ Đình An: Trưởng phòng |
| + Phân xưởng luyện thép | Ông Trần Quốc Tuấn: Quản đốc |
| + Phân xưởng cán thép | Ông Phạm Văn Trân: Quản đốc |
| + Phân xưởng cơ điện | Ông Nguyễn Anh Minh: Quản đốc |

– **Các công ty con, công ty liên kết:**

Không có Công ty con, không có Công ty liên kết

4. Định hướng phát triển

– **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2017:**

- + Kế hoạch sản xuất:
 - Thép thời: 180.000 tấn
 - Thép cán: 170.000 tấn
- + Doanh thu: 1.680 tỷ đồng
- + Kế hoạch tiêu thụ:
 - Thép thời: 10.000 tấn
 - Thép cán: 160.000 tấn
- + Lợi nhuận trước thuế: 35,44 tỷ đồng
- + Cổ tức: không chia

– **Công tác môi trường:**

+ Để Công ty phát triển bền vững, trong những năm qua Công ty luôn thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, trồng nhiều cây xanh, duy trì tốt nhà máy công viên.

+ Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

- Công tác tổ chức lao động, tiền lương và đời sống:

+ Thực hiện trả lương theo chế độ khoán sản phẩm và các chế độ khác của người lao động theo đúng quy định và chế độ hiện hành.

+ Lao động bình quân trong năm là 390 người (trong đó nữ 14 người).

+ Thu nhập bình quân của người lao động là 15,5 triệu đồng/người/tháng (2016 là 14,5 triệu đồng/người/tháng).

+ Chu cấp chi phí cho người lao động nghỉ mát hàng năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

+ 100% người lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội, BHYT vv..

- Công tác an ninh trật tự và an toàn lao động:

+ Duy trì và thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ tài sản, giữ vững an ninh trật tự trong Công ty.

+ Công tác huấn luyện an toàn lao động định kỳ được thực hiện tốt.

+ Trang bị và sử dụng và sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ lao động theo đúng yêu cầu ngành nghề. Trong năm có 3 vụ tai nạn lao động nhẹ.

+ Duy trì công tác kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn và huấn luyện PCCN vv..

- Công tác Tài chính – Kế toán:

+ Thực hiện đúng các chế độ, Quy định về tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

+ Đảm bảo khai báo thuế và nộp thuế đầy đủ đúng thời hạn, công bố thông tin đúng theo quy định.

+ Phân tích chi phí chính xác kịp thời, đáp ứng tốt dòng tiền cho SXKD.

+ Đáp ứng đầy đủ công tác kiểm tra tài chính định kỳ, thực hiện tốt luân chuyển chứng từ báo cáo thống kê theo đúng quy định.

- Công tác kỹ thuật và Công nghệ:

+ Thiết bị Lò điện hồ quang EBT, lò tinh luyện LF, máy đúc liên tục MCC hoạt động ổn định, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc tế.

+ Thiết bị dây chuyền cán thép được đầu tư nâng cấp hoạt động ổn định, sản phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc tế như ASTM (mỹ); JIT (nhật); TCVN vv..

+ Thiết bị phụ trợ như máy phân tích quang phổ, máy kiểm tra cơ tính, máy phay rãnh vằn, máy tiện CNC vv.. đều hoạt động ổn định và hiệu quả cao.

5. Các rủi ro:

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự công bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:



Phôi thép: Sản xuất 190.836 tấn, đạt 106,0 % kế hoạch năm và tăng 12,8% so với cùng kỳ; tiêu thụ thép thời 28.376 tấn, đạt 283,8% kế hoạch năm và tăng 31,3 % so với cùng kỳ (do quý 2 và quý 4 tình hình tiêu thụ thép cán chậm Công ty tập trung tìm khách hàng để tiêu thụ thép thời nhằm phát huy năng lực xưởng luyện và duy trì sản xuất ổn định đời sống, tạo việc làm thu nhập cho người lao động).

Thép cán dài: Sản xuất 157.517 tấn, đạt 92,7% kế hoạch năm và tăng 2,4 % so với cùng kỳ; tiêu thụ thép cán đạt 151.307 tấn, bằng 94,6% kế hoạch năm và bằng 94,7% so với cùng kỳ. Sản xuất thép cán và tiêu thụ thép cán đạt thấp hơn kế hoạch đặt ra do thị trường trong nước gặp nhiều khó khăn.

Chỉ tiêu về lợi nhuận: LN trước thuế 90,7 tỷ đồng đạt 256% kế hoạch năm và khoảng 206 % so cùng kỳ năm 2016, lợi nhuận tăng cao so với kế hoạch và so với cùng kỳ do Công ty tập trung chú trọng trong công tác thu mua vật tư nguyên vật liệu; cân đối giữ hàng tồn kho nguyên vật liệu và thành phẩm thép cán hợp lý theo từng thời điểm, tập trung giảm thấp nhất chi tiêu kinh tế kỹ thuật và đặc biệt là việc chớp thời cơ lúc thị trường hút hàng.

Thu nhập: Thu nhập BQ của CBCNV tăng khoảng 3,3% so kế hoạch và tăng khoảng 6,9% so với năm 2016.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

T T	Sản phẩm	Kế hoạch năm 2017	Năm 2017			So với năm 2016	
			Thực hiện	Tỷ lệ % so kế hoạch	Ghi chú	Năm 2016	% so cùng kỳ 2016
1	Sản xuất: (tấn)						
	- Phôi thép	180.000	190.836	106,0		169.220	112,8
	- Thép cán	170.000	157.517	92,7		153.883	102,4
2	Tiêu thụ: (tấn)						
	- Phôi	10.000	28.376	283,8		21.616	131,3
	- Thép cán	160.000	151.307	94,6		159.814	94,7
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	35,44	90,7	256,0		44,0	206,1
4	Thu nhập BQ (triệu đồng người/tháng)	15,0	15,5	103,3		14,5	106,9
5	Doanh thu (tỷ đồng)	1.680	2.027	120,7		1.711	118,5

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

2.1 Ông Nguyễn Phùng Hiền: Thành viên HĐQT - kiêm Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.445.079 Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: không, cổ phiếu được ủy quyền: 2.445.079 cổ phiếu.

2.2 Ông Cao Anh Kiệt: Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí



Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.836.009 Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 2.200 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: 1.833.809 cổ phiếu

2.3 Ông Hoàng Công Thành: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cán kéo kim loại

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 5.000 Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: không cổ phiếu

2.4 Ông Đào Dân Quý: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư luyện kim

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: không Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: không cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: không cổ phiếu

2.5 Bà Đỗ Thị Long Châu: Kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: không Cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: không cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: không cổ phiếu

- Số lượng CNCNV Công ty hiện nay là 390 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2017 Công ty đã đầu tư 01 hạng mục, đưa vào sử dụng và quyết toán xong cụ thể: Đầu tư 3 động cơ DC 600KW cho dàn cán trung: quyết toán 7,99 tỷ đồng.

- Trong năm 2017 Công ty đã SCL 4 hạng mục: Sửa chữa máy cắt băm liệu, sửa chữa giá cán K6+K7, sửa chữa nhà xưởng theo kế hoạch, sửa chữa nâng cấp trạm 110KV Vikimco.

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có Công ty con và Công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm (2017/2016)
Tổng giá trị tài sản	388.353.680.059	420.796.058.912	108,4 %
Doanh thu thuần	1.710.303.025.557	2.027.196.639.132	118,5 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.997.310.780	90.799.979.696	206,4%

+ Cổ đông nhà nước	7.946.505 CP	tỷ lệ: 65,0%
+ Cổ đông tổ chức	1.332.195 CP	tỷ lệ: 10,9%
+ Cổ đông cá nhân	2.946.093 CP	tỷ lệ: 24,1%

➤ **Cổ đông nước ngoài:**

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2017 Công ty không có tăng vốn điều lệ.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2017 Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác:

Trong năm 2017 Công ty không có chứng khoán khác

5. Báo cáo tác động đến môi trường:

+ Đề Công ty phát triển bền vững, trong những năm qua Công ty luôn thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, trồng nhiều cây xanh, duy trì tốt nhà máy công viên.

+ Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Khó khăn

Ngoài tình hình chung như trên thị trường thép trong nước năm 2017 gặp nhiều khó khăn; tiêu thụ thấp là thời điểm cuối tháng 3 và trong Quý 2 vì bước vào mùa mưa và giá cát xây dựng tăng mạnh đã làm ảnh hưởng đến các công trình xây dựng. Sang Quý 3 thị trường thép xây dựng có những chuyển biến tích cực, tiêu thụ thép khá tốt mặc dù không phải mùa cao điểm tuy nhiên cuối tháng 9 tiêu thụ thép chậm lại do các nhà thương mại tập trung giải phóng hàng tồn kho và chờ nghe ngóng tình hình thị trường và quan trọng là lượng cung vượt cầu và nhu cầu thực không có do các công trình ngưng thi công một phần vì tin dụng một phần vì giá cả tăng cao. Giá phôi thép tăng mạnh trong Quý 3 do nguồn cung khan hiếm một số Công ty đã xuất khẩu phôi sang thị trường khu vực, giá phôi tăng có thời điểm tháng 9 vượt ngưỡng 12 triệu đồng/tấn kéo theo các Công ty phải đồng loạt tăng giá bán thép thành phẩm.

Từ Quý 2 giá cả các loại VTNVL cho luyện đồng loạt tăng mạnh như sắt thép vụn, phôi thép, than cốc, fero, vật liệu chịu lửa, than điện cực vv.. làm ảnh hưởng mạnh đến thị trường thép trong nước.

Sự cạnh tranh quyết liệt về giá bán thành phẩm của các nhà sản xuất thép trong nước làm cho giá bán thép thành phẩm của Công ty cũng không được ổn định nên đã có những ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty. Ngoài ra còn phải cạnh tranh với sản phẩm thép từ Trung Quốc và từ phía Bắc, Miền Trung như Hòa Phát, Thép Việt Mỹ tìm cách thâm nhập vào.

1.2. Thuận lợi

Bên cạnh những khó khăn thì cũng có những mặt thuận lợi như bộ máy tổ chức của Công ty đã ngày càng được củng cố và kiện toàn, CBCNV Công ty có truyền thống đoàn kết khắc phục khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ. Việc đầu tư máy Biến thế 25 MVA cho

40
G
PH
H
P

xưởng luyện, bổ sung thêm oxy lỏng cho luyện thép, phát huy tốt phần mềm nấu luyện; cải tạo máy cán K6 + K7, đầu tư cụm động cơ DC cho dàn cán trung, sửa chữa nâng cấp trạm 110 KV/25MVA ... cùng với trình độ tay nghề của đội ngũ được phát huy tốt đã tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao được thị trường tin dùng, uy tín của sản phẩm được nâng cao. Đồng thời, đã giảm được chi phí sản xuất ở khâu luyện thép và cán thép, giúp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ thép.

Ngoài ra Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời về nhiều mặt của HĐQT, Tổng Giám đốc cũng như hỗ trợ các Phòng, Ban của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Kết quả SXKD năm 2017 Công ty đạt lợi nhuận trước thuế 90,6 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản

Về tài sản đến cuối năm 2017 là 420,7 tỷ đồng

Tài sản ngắn hạn của Công ty đến cuối năm 2017 là 361 tỷ

- **Về đầu tư mới:** Trong năm 2017 Công ty đã đầu tư 1 hạng mục, đưa vào sử dụng và quyết toán xong cụ thể:
 - + Đầu tư 3 động cơ DC 600KW cho dàn cán trung: quyết toán 7,99 tỷ đồng.
- **Về công tác sửa chữa:**
 - + Sửa chữa lớn máy cắt băm liệu: 0,6 tỷ đồng.
 - + Sửa chữa giá cán K6+K7: 1,5 tỷ đồng
 - + Sửa chữa nhà xưởng: 0,5 tỷ đồng
 - + Sửa chữa nâng cấp trạm 110KV Vikimco: quyết toán 1,04 tỷ đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Về tình hình nợ phải trả cuối năm 2017 là 154 tỷ đồng

Về đóng góp nân sách, trong năm 2017 Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước là 33,5 tỷ đồng.

Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán tốt. Nguồn vốn vay lưu động được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo đạt hiệu quả nhất.

3. Công tác quản lý, cung ứng vật tư nguyên liệu:

- Bộ phận mua liệu đã chủ động bám sát thị trường nguyên liệu sắt thép vụn nội địa, từ đó có chính sách giá và thu mua hợp lý đảm bảo đủ số lượng. Nghiệm thu, loại bỏ tạp chất nghiêm ngặt, phối hợp với công nghệ để định hướng sử dụng liệu và mua liệu phù hợp tăng hiệu quả sản xuất hạ giá thành phối thép đảm bảo yêu cầu cạnh tranh sản phẩm của Công ty.

- Tôn kho vật tư nguyên vật liệu, thiết bị, phụ tùng thay thế vv.. hợp lý cho từng thời kỳ để giảm chi phí.

- Nắm bắt sâu sát, dự báo tình hình thị trường đúng, triển khai kế hoạch sản xuất và tiêu thụ hợp lý duy trì và chăm sóc khách hàng truyền thống.

- Kết hợp tiêu thụ thép cán và phối thép hợp lý, góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2017.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty



Trong năm qua Tổng giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và các Nghị quyết hợp từng quý của HĐQT.

Đội ngũ cán bộ quản lý đoàn kết, năng động, có năng lực tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu của sản xuất kinh doanh không để xảy ra các sai phạm về công tác quản lý tài chính, các vị trí nhạy cảm đều được quan tâm kiểm soát, huy động tốt nguồn lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Cán bộ quản lý tận tụy với công việc, gương mẫu, trung thực thực hiện nhiệm vụ.

Công ty đã chủ động sản xuất các mặt hàng, chủng loại mà Công ty có ưu thế, qua đó thúc đẩy tiêu thụ (sản lượng thép cán D10 và D12 chiếm trên 50 %), tăng cường sản xuất các loại phôi thép và thép cán hợp kim thấp độ bền cao, đáp ứng nhu cầu cho các công trình lớn cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nắm bắt thông tin thị trường, linh hoạt thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu người tiêu dùng.

Chất lượng sản phẩm được kiểm tra trước khi đưa ra thị trường. Tiếp thu nghiêm túc và giải quyết các thông tin phản hồi từ khách hàng, nhằm thỏa mãn nhu cầu thị trường.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

STT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Tổng Công ty Thép Việt Nam Đại diện: Dương Minh Chính	2.457.049	20,1	Thành viên Chuyên trách
02	Tổng Công ty Thép Việt Nam Đại diện: Nguyễn Phùng Hiền	2.445.079	20,0	Thành viên điều hành
03	Tổng Công ty Thép Việt Nam Đại diện: Cao Anh Kiệt	1.836.009	15,02	Thành viên điều hành
04	Trịnh Chính Sinh	666.098	5,4	Thành viên độc lập
05	Tổng Công ty Thép Việt Nam Đại diện: Lê Khắc Thành	1.222.539	10,0	Thành viên không điều hành

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm Hội Đồng Quản Trị họp theo quý/lần, nội dung cụ thể, đã thể hiện được việc kiểm soát đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Xác định các mục tiêu, thảo luận và biểu quyết các vấn đề lớn về đầu tư, phát triển và định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty.



Trưởng Ban Kiểm soát được mời dự các cuộc họp của họp Hội Đồng Quản Trị báo cáo kết quả kiểm soát, đã thể hiện được trách nhiệm của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Công ty, khuyến cáo những vấn đề cần lưu tâm trong hoạt động của đơn vị.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
01	Dương Minh Chính	Chủ tịch.HĐQT	5	5
02	Nguyễn Phùng Hiền	Ủy viên HĐQT	5	5
03	Cao Anh Kiệt	Ủy viên HĐQT	5	5
04	Trịnh Chính Sinh	Ủy viên HĐQT	5	5
05	Lê Khắc Thành	Ủy viên HĐQT	5	5

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

STT	Số	Ngày	Nội dung
01	530/NQ-VKC	22/02/2017	Đánh giá kết quả công tác năm 2016, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm 2017
02	602/NQ-VKC	20/03/2017	Về kế hoạch chương trình nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
03	618/NQ-VKC	05/04/2017	NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
04	772/NQ-VKC	15/05/2017	Về đánh giá kết quả công tác quý 1, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 2
05	1014/NQ-VKC	26/07/2017	Về đánh giá kết quả công tác quý 2 và 6 tháng đầu năm, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 3 và 6 tháng cuối năm
06	1202/NQ-VKC	28/09/2017	Về đánh giá kết quả công tác 9 tháng đầu năm, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 4
07	72/NQ-VKC	31/01/2018	Đánh giá kết quả công tác năm 2017, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm 2018

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Hội đồng quản trị có 03 thành viên không trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Không có một số hoặc một nhóm thiểu số thành viên nào có ảnh hưởng chi phối các quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Danh sách 03 thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành Công ty như sau:

- + Ông Dương Minh Chính Chủ tịch HĐQT
- + Ông Trịnh Chính Sinh Thành viên HĐQT



+ Ông Lê Khắc Thành Thành viên HĐQT

d) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành công ty trong năm 2017 như sau:

+ Ông Nguyễn Phùng Hiền Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

+ Ông Cao Anh Kiệt Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

e) Ban Kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Đoàn Hồng Hà			Trưởng ban
02	Nguyễn Minh Sơn			Ủy viên
03	Nguyễn Thị Hồng Minh	666.097	5,4	Ủy viên

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm Trưởng ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, đồng thời BKS đã tổ chức 4 cuộc họp để lên kế hoạch công tác, thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và trình các kiến nghị đối với HĐQT, Ban tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả của công ty

- Các hoạt động chính của Ban kiểm soát gồm có:

+ xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT liên quan đến việc thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm.

+ xem xét đánh giá tình hình hoạt động SXKD của công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.

+ xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn trong năm.

+ kiểm tra soát xét báo cáo từng quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý của số liệu vv..

f) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

- Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Cộng
01	Dương Minh Chính	Chủ tịch HĐQT	678.453.000	-	678.453.000
02	Nguyễn Phùng Hiền	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	646.829.000	-	646.829.000
03	Cao Anh Kiệt	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	512.291.000	-	512.291.000
04	Lê Khắc Thành	Thành viên HĐQT	450.726.000	-	450.726.000
05	Trịnh Chính Sinh	Thành viên HĐQT	-	48.000.000	48.000.000

06	Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám Đốc	502.758.000	-	502.758.000
07	Đào Dân Quý	Phó Tổng Giám Đốc	504.688.000	-	504.688.000
08	Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban kiểm soát	372.498.000	-	372.498.000
09	Nguyễn Minh Sơn	Thành viên ban kiểm soát	282.981.000	-	282.981.000
10	Nguyễn Thị Hồng Minh	Thành viên ban kiểm soát	-	36.000.000	36.000.000
11	Đỗ Thị Long Châu	Kế toán trưởng	471.022.000	-	471.022.000
	Tổng cộng			84.000.000	4.506.246.000

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm Công ty không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban tổng giám đốc, kế toán trưởng)

- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm không có hợp đồng về giao dịch với cổ đông nội bộ.

VI. Báo cáo Tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán (xem thư của kiểm toán)

93
T
A
P
VN
21



Số: 060218. 001 /BTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được lập ngày 10 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



26
Y
N
ST
10

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 30 – Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó đề cập đến việc UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 4898/QĐ-UBND ngày 13/09/2017 về việc phê duyệt danh mục các cơ sở phải di dời do không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh - đợt 2. Theo đó, Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức phải di dời Nhà máy chậm nhất quý 4 năm 2019. Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Mạnh Quý
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Thái
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2018-002-1



2. Báo cáo tài chính năm 2017:

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày : 31/12/2017

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		361.209.603.918	320.786.575.303
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	V.1	65.813.912.756	113.907.855.637
1. Tiền	111		50.813.912.756	43.907.855.637
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	70.000.000.000
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	V.2	0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU	130	V.3	60.800.158.708	100.577.328.052
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		62.320.725.969	102.369.714.725
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		883.202.536	95.092.600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		447.544.503	963.835.027
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	137		(2.851.314.300)	(2.851.314.300)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. HÀNG TỒN KHO	140	V.4	224.059.273.708	102.448.165.680
1. Hàng tồn kho	141		224.059.273.708	102.448.165.680
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150	V.5	10.536.258.746	3.853.225.934
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.299.687.915	3.821.874.286
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.227.425.679	0
3. Thuế và Các khoản phải thu nhà nước	154		9.145.152	31.351.648
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	158		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		0	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		59.586.454.994	67.567.104.756
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0



5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220	V.7	57.586.785.885	62.145.152.405
1. Tài sản cố định hữu hình	221		57.586.785.885	62.145.152.405
- Nguyên giá	222		315.389.149.531	303.271.478.961
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(257.802.363.646)	(241.126.326.556)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
III. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	240	V.6	1.999.669.109	5.421.952.351
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.999.669.109	5.421.952.351
V. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
- Vốn góp liên doanh			0	0
- Đầu tư vào công ty liên kết			0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	253		0	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		420.796.058.912	388.353.680.059

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		154.557.670.199	172.427.861.693
I. NỢ NGẮN HẠN	310		103.509.670.199	121.429.861.693
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	71.506.586.613	48.449.379.495
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.606.883	13.606.883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	6.842.803.778	5.416.898.403
4. Phải trả người lao động	314		9.312.458.366	11.549.599.766
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.797.573.694	3.976.355.639
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0

9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	433.199.721	463.873.676
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8	0	51.295.444.200
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		11.000.000.000	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		603.441.144	264.703.631
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. NỢ DÀI HẠN	330		51.048.000.000	50.998.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		51.048.000.000	50.998.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400		266.238.388.713	215.925.818.366
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	V12	266.238.388.713	215.925.818.366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.253.930.000	122.253.930.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.253.930.000	122.253.930.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.708.334.281	17.708.334.281
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.752.106.672	19.752.106.672
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.524.017.760	56.211.447.413
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC	430		0	0
2. Nguồn kinh phí	432		0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)	440		420.796.058.912	388.353.680.059



2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017:

CÔNG TY CP THÉP THỦ ĐỨC-VNSTEEL

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017

(Sau kiểm toán)

Đơn vị tính: đồng
VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		2.040.495.893.724	1.711.638.444.426
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		13.299.254.592	1.335.418.869
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.027.196.639.132	1.710.303.025.557
4. Giá vốn hàng bán	11		1.870.642.023.146	1.612.501.426.657
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		156.554.615.986	97.801.598.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.230.364.575	1.940.476.054
7. Chi phí tài chính	22		3.500.307.832	3.505.760.995
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.418.006.026	3.430.767.091
8. Chi phí bán hàng	24		20.254.881.136	13.087.216.889
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		45.229.811.897	39.151.786.290
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		90.799.979.696	43.997.310.780
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		153.710.921	76.493.980
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(153.710.921)	(76.493.980)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		90.646.268.775	43.920.816.800
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		18.511.057.415	9.075.301.672
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		72.135.211.360	34.845.515.128
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		5.192	2.611

LẬP BIỂU

P.KTTC

Ngày 25 tháng 01 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trang 19-22

Toàn văn Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2017 của Công ty được lưu trên Website: www.thepthuduc.com.vn tại địa chỉ Quan hệ cổ đông.

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty Công ty cổ phần Thép Thủ Đức – Vnsteel.

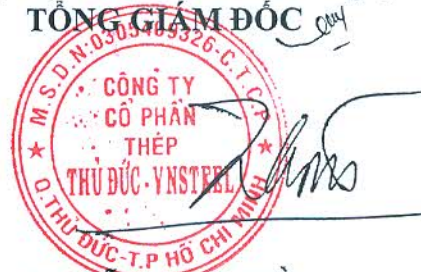
Mã chứng khoán: **TDS**

Trân trọng.

Biên Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2018

Thay mặt Ban điều hành Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



A red circular stamp of Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0305769326-C.T.C", "CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL", and "0 THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH". A handwritten signature is written over the stamp, and the initials "CMH" are written to the right of the stamp.

Nguyễn Phùng Hiền



A partial red circular stamp of Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel, showing the text "CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL" and "0 THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH".